

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thí điểm truy xuất nguồn gốc quả sầu riêng

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá sửa đổi số 78/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc;

Căn cứ Nghị định thư ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Tổng cục Hải quan, Nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa về Yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với quả sầu riêng xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc;

Căn cứ Kết luận số 133-KL/ĐU ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy bộ về hoạt động truy xuất nguồn gốc các mặt hàng nông sản;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thí điểm truy xuất nguồn gốc quả sầu riêng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Cục trưởng Cục Chuyển đổi số, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà (để b/c);
- Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ;
- Văn phòng Đảng ủy Bộ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Lưu: VT, KHCN (LN).

BỘ TRƯỞNG

Trần Đức Thắng

KẾ HOẠCH

Thí điểm truy xuất nguồn gốc quả sầu riêng

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT-KHCN ngày tháng năm
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Triển khai thí điểm Hệ thống truy xuất nguồn gốc (TXNG) quả sầu riêng, trên cơ sở đó hoàn thiện Hệ thống và quy trình TXNG các sản phẩm nông, lâm, thủy hải sản chủ lực, phục vụ yêu cầu đối với:

- Người tiêu dùng để TXNG, chất lượng quả sầu riêng;
- Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sầu riêng (nông hộ, hợp tác xã, doanh nghiệp) trong việc quản lý, truy xuất chuỗi cung ứng, nâng cao giá trị thương mại sầu riêng;
- Cơ quan quản lý nhà nước (từ Bộ đến địa phương) trong quản lý, giám sát chất lượng và truy vết từ vùng trồng và cơ sở đóng gói, đảm bảo yêu cầu xuất khẩu và minh bạch thị trường.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Xây dựng mô hình chuỗi cung ứng sầu riêng đáp ứng đầy đủ các quy định về truy xuất nguồn gốc, chất lượng, an toàn thực phẩm để thực hiện thí điểm.

b) Thiết lập và vận hành thử nghiệm Hệ thống TXNG quả sầu riêng tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Hoàn thiện Hệ thống trực tuyến và cơ sở dữ liệu TXNG quả sầu riêng theo thời gian thực, có sự tham gia xác thực của các cơ quan quản lý nhà nước thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các địa phương. Hệ thống cho phép ghi nhận, quản lý thông tin tại tất cả các khâu chính (cơ sở trồng sầu riêng - vùng trồng - thu mua - sơ chế/đóng gói - vận chuyển – phân phối) và truy xuất thông tin bằng mã QR hoặc phương tiện thích hợp trên tem nhãn của từng quả sầu riêng, từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

Cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin (máy chủ, đường truyền, an ninh mạng, v.v.) để Hệ thống TXNG hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn. Đáp ứng các yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu với Công thông tin TXNG quốc gia và các hệ thống liên quan theo định hướng chung.

c) Tạo lập được kho dữ liệu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phục vụ TXNG quả sầu riêng, trên cơ sở kết nối tích hợp các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu (dữ liệu phải được ký số) của các doanh nghiệp tham gia thử nghiệm.

d) Huy động được tối thiểu 05 doanh nghiệp sản xuất, thu mua, sơ chế/đóng gói, vận chuyển, phân phối tham gia thử nghiệm. Tổ chức cấp/gắn Tem xác thực điện tử (bao gồm cả tem gắn Qrcode/NFC/RFID do Bộ Công an phát hành) cho các lô sầu riêng đáp ứng yêu cầu.

đ) Hoàn thiện quy định và tài liệu hướng dẫn về TXNG quả sầu riêng

- Xây dựng, hoàn thiện các quy định, quy trình nghiệp vụ thu thập, quản lý dữ liệu truy xuất trong chuỗi sản xuất, cung ứng sầu riêng.

- Ban hành mẫu *Tem xác thực điện tử (bao gồm cả tem gắn Qrcode/NFC/RFID)* cho quả sầu riêng (bao gồm quy cách in ấn, vật liệu chống giả) và các hướng dẫn sử dụng tem, ghi chép thông tin cho nông hộ, doanh nghiệp tham gia thí điểm.

e) Nâng cao nhận thức và năng lực tham gia TXNG

- Tổ chức tập huấn, hội thảo, hướng dẫn các nông hộ, các doanh nghiệp tham gia thí điểm triển khai Hệ thống TXNG quả sầu riêng.

- Thông tin, tuyên truyền về lợi ích của TXNG đối với người sản xuất, doanh nghiệp cung ứng và người tiêu dùng sầu riêng, tạo sự đồng thuận khi triển khai rộng rãi sau giai đoạn thí điểm (từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026).

g) Đánh giá hiệu quả, hoàn thiện Hệ thống TXNG để nhân rộng

Kết thúc giai đoạn thí điểm, tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động của Hệ thống TXNG quả sầu riêng (về tính chính xác thông tin, tính thuận tiện cho người dùng, chi phí, lợi ích mang lại...). Trên cơ sở đó, tổng kết bài học kinh nghiệm, đề xuất điều chỉnh, bổ sung về kỹ thuật hoặc quy trình (nếu cần) trước khi mở rộng áp dụng Hệ thống TXNG cho các nông sản khác và triển khai chính thức trên phạm vi rộng vào cuối năm 2026.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHÍNH

1. Hoàn thiện hệ thống pháp lý, quy trình, tài liệu hướng dẫn truy xuất nguồn gốc

- Rà soát, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo điều hành trong các hoạt động liên quan đến TXNG.

- Nghiên cứu tiêu chuẩn, quy định của các tổ chức quốc tế để xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tài liệu hướng dẫn chung về truy xuất nguồn gốc nông sản thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Ban hành tài liệu hướng dẫn áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc gắn với các quy định của các nước nhập khẩu, các quy định về sử dụng mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói; thống nhất, chuẩn hóa hình thức, nội dung thẻ, tem, nhãn hoặc định dạng bằng một phương thức thích hợp để truy xuất nguồn gốc;

cách thức quản lý việc áp dụng mã truy vết; thông tin truy xuất nguồn gốc: vùng sản xuất, thông tin về cơ sở sản xuất, chế biến; thông tin về nguồn gốc xuất xứ nguyên vật liệu; thông tin về an toàn, vệ sinh và chất lượng; yêu cầu, trách nhiệm đối với cơ sở sản xuất, gắn thẻ, nhãn hoặc định dạng bằng một phương thức thích hợp để truy xuất nguồn gốc, cũng như các bên liên quan.

- Rà soát, thống nhất dữ liệu và quy trình nghiệp vụ triển khai thí điểm truy xuất nguồn gốc quả sầu riêng.

2. Xây dựng, triển khai Hệ thống TXNG quả sầu riêng

- Xác định chuỗi cung ứng đáp ứng đầy đủ các quy định để triển khai áp dụng, không chỉ ở doanh nghiệp để tránh tình trạng hợp thức hóa sản phẩm không rõ nguồn gốc của doanh nghiệp (nếu có).

- Thiết kế, xây dựng Hệ thống trực tuyến với các công cụ truy xuất nguồn gốc điện tử, thông minh (mã số, mã vạch, QR code, công nghệ chuỗi khối (Blockchain),...) theo thời gian thực và tạo lập kho cơ sở dữ liệu dùng chung trên cơ sở kết nối, tích hợp, đồng bộ các CSDL thành phần các cơ quan đơn vị thuộc Bộ, các bộ ngành và địa phương; hình thành Hệ thống TXNG đồng bộ, thống nhất để các nông hộ, cơ sở sản xuất, kinh doanh cập nhật thông tin, dữ liệu vào Hệ thống, phục vụ việc quản lý, chia sẻ, truy vết thông tin, dữ liệu giữa các tác nhân trong chuỗi và cơ quan quản lý của Bộ.

- Đầu tư trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo Hệ thống TXNG quả sầu riêng tại Bộ hoạt động ổn định, thông suốt, đáp ứng yêu cầu về an ninh, an toàn thông tin.

- Lựa chọn và thống nhất danh sách doanh nghiệp tham gia thí điểm, thu thập thông tin đầu vào (số lượng nông hộ, số lượng cây sầu riêng, sản lượng dự kiến của mỗi nông hộ) để phục vụ cấp tài khoản và in Tem xác thực điện tử (bao gồm cả tem gắn Qrcode/NFC/RFID).

- In và cấp phát Tem xác thực điện tử (bao gồm cả tem gắn Qrcode/NFC/RFID) nguồn gốc cho các doanh nghiệp và nông hộ tham gia thí điểm theo số lượng đã thống kê.

- Hỗ trợ triển khai vận hành hệ thống và giám sát quá trình thí điểm tại các doanh nghiệp tham gia.

- Rà soát, chuẩn hóa và nâng cấp, mở rộng hệ thống truy xuất nguồn gốc tại Bộ Nông nghiệp & Môi trường (<http://checkvn.mae.gov.vn>) nhằm: (1) đáp ứng với các yêu cầu thực tế tại Bộ cũng như phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan; (2) đảm bảo kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc quốc gia, Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc các địa phương và với các hệ thống thông tin, CSDL quốc gia khác.

- Kiểm soát, theo dõi các sản phẩm sầu riêng đang đăng ký trên hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản tại Bộ, phục vụ thống kê, dự báo thị trường, theo dõi luồng di chuyển để kiểm soát chất lượng, tình trạng hoạt động của các cơ sở sản xuất kinh doanh đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Giải đáp thắc mắc, hỗ trợ kỹ thuật cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tham gia triển khai, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường được thuận lợi.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo, xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng giúp các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tham gia hệ thống truy xuất nguồn gốc quả sầu riêng tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường được hiệu quả, đúng quy định.

3. Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới, trí tuệ nhân tạo (AI) để nâng cao hiệu quả Hệ thống TXNG

- Triển khai các đề tài, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ để phát triển các giải pháp, công nghệ (Blockchain, IoT, AI, Big data và các công nghệ mới phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới) ứng dụng trong truy xuất nguồn gốc.

- Hỗ trợ địa phương, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ nông dân kết nối Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phục vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ, giải pháp ứng dụng trong truy xuất nguồn gốc.

4. Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực truy xuất nguồn gốc

- Hợp tác với các đối tác nước ngoài, tổ chức cấp mã số mã vạch quốc tế để tiếp nhận, chuyển giao công nghệ, công nhận hệ thống và thừa nhận kết quả truy xuất nguồn gốc lẫn nhau.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế về truy xuất nguồn gốc tại Việt Nam với sự tham gia của các bộ, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hộ nông dân và các cá nhân.

- Xây dựng chính sách nhằm ưu tiên, thu hút các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế cùng đầu tư xây dựng và phát triển trong các hoạt động liên quan đến truy xuất nguồn gốc.

5. Tuyên truyền, phổ biến, đào tạo, tập huấn, hướng dẫn sử dụng Hệ thống TXNG

- Tổ chức hội thảo giới thiệu Hệ thống TXNG và hướng dẫn quy trình nghiệp vụ truy xuất nguồn gốc cho các doanh nghiệp tham gia thí điểm.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo, xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng cho cán bộ quản lý, các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tham gia hệ thống truy xuất nguồn gốc quả sầu riêng để các đối tượng liên quan nắm vững quy trình truy xuất, đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

- Tổ chức tuyên truyền, quảng bá, hội thảo, hội nghị giúp các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và người tiêu dùng nhận thức rõ về lợi ích của việc công khai, minh bạch thông tin, truy vết thông tin sản phẩm hàng hóa nông sản.

- Phổ biến tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tài liệu đề hướng dẫn doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, đơn vị cung cấp dịch vụ giải pháp trong việc xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc.

- Thiết lập đường dây nóng để giải đáp thắc mắc, hỗ trợ kỹ thuật cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tham gia triển khai, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản.

6. Đánh giá hiệu quả

Tổng hợp kết quả thí điểm, đánh giá hiệu quả hoạt động của Hệ thống TXNG sâu riêng (về tính chính xác thông tin, tính thuận tiện cho người dùng, chi phí, lợi ích mang lại...). Tổng kết bài học kinh nghiệm, đề xuất điều chỉnh, bổ sung về kỹ thuật hoặc quy trình (nếu cần) trước khi mở rộng áp dụng Hệ thống TXNG cho các nông sản khác và triển khai chính thức trên phạm vi toàn quốc.

III. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện được đảm bảo từ các nguồn: Ngân sách nhà nước; vốn viện trợ, tài trợ trong nước và quốc tế; xã hội hóa từ nguồn vốn của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp; các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định.

Trong đó nguồn ngân sách nhà nước được sử dụng để: Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý, tài liệu hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc; nghiên cứu áp dụng các công nghệ mới; xây dựng, nâng cấp và mở rộng Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; đảm bảo duy trì, vận hành hệ thống được ổn định, thông suốt, an ninh an toàn thông tin.

2. Việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ Khoa học và Công nghệ (Vụ KH-CN)

a) Là đơn vị đầu mối về giải pháp công nghệ, phối hợp chặt chẽ với NETACOM (đơn vị phối hợp, tài trợ hệ thống CNTT trong quá trình thí điểm) và Trung tâm Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển trong việc phát triển, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống truy xuất nguồn gốc phục vụ Kế hoạch thí điểm; tham mưu cho Bộ về các yêu cầu kỹ thuật và hạ tầng công nghệ để triển khai hệ thống hiệu quả.

b) Điều phối chung, đôn đốc các bên tham gia triển khai thí điểm Hệ thống TXNG quả sâu riêng, đảm bảo tiến độ và hiệu quả.

c) Tham mưu, trình Bộ trưởng thành lập Ban Chỉ đạo của Bộ về truy xuất hàng nông sản Việt Nam.

d) Chủ trì lập dự án công nghệ thông tin/thuê dịch vụ cho giai đoạn triển khai rộng.

đ) Chủ trì, phối hợp với Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Cục Chuyển đổi số, các tổ chức, cá nhân liên quan để thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước liên quan đến công nghệ, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về truy xuất nguồn gốc

(trong nước và quốc tế), thông tin, tuyên truyền, nhằm đảm bảo Hệ thống TXNG quả sầu riêng được triển khai phù hợp, đồng bộ và hiệu quả.

e) Tham mưu chỉ đạo tổ chức triển khai các đề tài, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ để phát triển các giải pháp, công nghệ (Blockchain, IoT, AI, Big data và các công nghệ mới phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới) ứng dụng trong truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm ngành nông nghiệp và môi trường.

g) Chủ trì, phối hợp với Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Cục Chuyên đổi số tổ chức sơ kết, tổng kết và báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về kết quả triển khai Kế hoạch thí điểm Hệ thống TXNG quả sầu riêng.

2. Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

a) Chủ trì và chịu trách nhiệm về nghiệp vụ từ trồng, chăm sóc, thu hoạch, đóng gói khi triển khai thực hiện Kế hoạch thí điểm TXNG quả sầu riêng.

b) Lựa chọn, đề xuất, đơn đốc các đơn vị tham gia thí điểm Hệ thống TXNG quả sầu riêng.

c) Tham mưu ban hành các văn bản liên quan đến quy trình sản xuất, chăm sóc, thu hoạch, đóng gói sầu riêng khi triển khai TXNG.

d) Chủ trì, phối hợp với Cục Chuyên đổi số, Vụ Khoa học và Công nghệ cùng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch; Xây dựng và trình ban hành quy chế sử dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc trong phạm vi thí điểm; hướng dẫn các địa phương và doanh nghiệp tham gia triển khai truy xuất nguồn gốc quả sầu riêng theo đúng yêu cầu.

đ) Thực hiện chức năng quản lý, giám sát việc tuân thủ các quy định về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói trong phạm vi kế hoạch thí điểm; làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu, kịp thời phát hiện, xử lý các vi phạm theo thẩm quyền.

e) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả triển khai thí điểm Hệ thống TXNG quả sầu riêng tại thực địa.

3. Cục Chuyên đổi số

a) Là đơn vị đầu mối về giải pháp công nghệ, phối hợp chặt chẽ với NETACOM (đơn vị phối hợp, tài trợ hệ thống CNTT trong quá trình thí điểm) trong việc phát triển, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống truy xuất nguồn gốc phục vụ Kế hoạch thí điểm; tham mưu cho Bộ về các yêu cầu kỹ thuật và hạ tầng công nghệ để triển khai hệ thống hiệu quả.

b) Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ duy trì, vận hành hệ thống truy xuất nguồn gốc: cấp tên miền theo yêu cầu triển khai, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật ổn định, thông suốt; đáp ứng các yêu cầu về an ninh, an toàn thông tin.

c) Phối hợp lập dự án công nghệ thông tin/thuê dịch vụ cho giai đoạn triển khai rộng.

d) Phối hợp với NETACOM và các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp nhận chuyển giao công nghệ đối với hệ thống quản lý nội bộ và dữ liệu Truy xuất nguồn

gốc (hệ thống Trục truyền nhận và Công tra cứu truy xuất nguồn gốc do NETACOM quản trị, vận hành); kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu truy xuất nguồn gốc quả sầu riêng với Công thông tin truy xuất nguồn gốc quốc gia và các hệ thống thông tin liên quan khác (khi có yêu cầu).

đ) Phối hợp với Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật xây dựng và trình ban hành quy chế sử dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc trong phạm vi thí điểm; thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Bộ.

4. Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

a) Xây dựng quy trình phục vụ hệ thống TXNG gắn với phát triển thị trường sầu riêng trong và ngoài nước, đồng thời thúc đẩy kinh doanh sản phẩm sầu riêng trên các nền tảng thương mại điện tử.

5. Vụ Pháp chế

a) Chủ trì, phối hợp với Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Vụ Khoa học và Công nghệ, Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định pháp luật để có căn cứ pháp lý triển khai Hệ thống TXNG nông sản.

6. Vụ Hợp tác quốc tế

a) Đầu mối kết nối với các nước trong việc liên thông hệ thống TXNG sầu riêng nhằm thừa nhận kết quả truy xuất nguồn gốc các sản phẩm sầu riêng của Việt Nam; chủ trì tiếp các nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế trong việc tuyên truyền, đào tạo tập huấn, phổ biến hệ thống truy xuất nguồn gốc đến từng doanh nghiệp, hiệp hội và người dân trồng sầu riêng.

7. Đơn vị cung cấp giải pháp công nghệ (NETACOM)

a) Phối hợp chặt chẽ với Vụ Khoa học và Công nghệ, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Cục Chuyển đổi số trong việc xây dựng, hoàn thiện và vận hành Hệ thống TXNG quả sầu riêng, đảm bảo Hệ thống hoạt động thông suốt, ổn định, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, bảo mật và chống giả theo quy định.

b) Chủ trì quản trị, vận hành trục truyền nhận và Công thông tin tra cứu truy xuất nguồn gốc.

c) Thực hiện chuyển giao công nghệ cho Cục Chuyển đổi số Hệ thống TXNG quả sầu riêng và các cơ sở dữ liệu, tài liệu liên quan.

Chủ trì, phối hợp với Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Cục Chuyển đổi số thiết lập đầu mối hỗ trợ kỹ thuật (đường dây nóng) để hướng dẫn, giải đáp kịp thời cho các đơn vị, doanh nghiệp tham gia trong quá trình sử dụng hệ thống.

d) Quản trị, vận hành trục truyền nhận và Công thông tin tra cứu truy xuất nguồn gốc quả sầu riêng.

đ) Đào tạo và hướng dẫn sử dụng Hệ thống TXNG cho các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp tham gia Kế hoạch.

e) Chủ trì và phối hợp với Trung tâm Tem và Vật liệu chống giả - In Ba Đình thuộc Cục Công nghiệp an ninh, Bộ Công an để tích hợp mã hóa dữ liệu, nạp dữ liệu vào Tem xác thực điện tử (bao gồm cả tem gắn Qrcode/NFC/RFID) vào hệ thống; đảm bảo tính thống nhất, chính xác giữa thông tin trên tem và dữ liệu truy xuất trên hệ thống.

g) Tiếp nhận ý kiến phản hồi trong quá trình triển khai thí điểm, phối hợp với Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và các địa phương kịp thời hiệu chỉnh về mặt kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả vận hành của Hệ thống.

8. Các doanh nghiệp tham gia thí điểm sử dụng Hệ thống TXNG quả sầu riêng

a) Nghiêm túc tuân thủ đầy đủ các quy định và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc xây dựng và áp dụng Hệ thống TXNG quả sầu riêng.

b) Chủ động thực hiện việc gắn Tem xác thực điện tử (bao gồm cả tem gắn Qrcode/NFC/RFID) trên sản phẩm và vận hành hệ thống truy xuất theo quy trình được phê duyệt; đảm bảo tính chính xác, trung thực của thông tin truy xuất được cập nhật.

c) Kịp thời phản ánh, kiến nghị với các cơ quan chức năng có thẩm quyền về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai để được hướng dẫn, hỗ trợ giải quyết kịp thời.

d) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động TXNG tại doanh nghiệp; chấp hành các yêu cầu thanh tra, kiểm tra liên quan theo quy định.

9. Trung tâm Tem và Vật liệu chống giả - In Ba Đình thuộc Cục Công nghiệp an ninh, Bộ Công an

a) Chủ trì tổ chức in ấn, quản lý và cấp phát Tem xác thực điện tử (bao gồm cả tem gắn Qrcode/NFC/RFID do Bộ Công An phát hành) phục vụ Kế hoạch thí điểm; đảm bảo tem được cấp phát, sử dụng đúng mục đích và đúng quy định hiện hành.

b) Phối hợp với Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hướng dẫn các doanh nghiệp về thủ tục đăng ký, sử dụng Tem xác thực điện tử (bao gồm cả tem gắn Qrcode/NFC/RFID) TXNG và chống giả; chỉ cung cấp tem cho các lô hàng sầu riêng đáp ứng đầy đủ yêu cầu (có mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói hợp lệ, kết quả kiểm nghiệm theo quy định, ...).

c) Phối hợp với Cục Chuyển đổi số và NETACOM kết nối, tích hợp dữ liệu giữa hệ thống quản lý tem xác thực điện tử và hệ thống truy xuất nguồn gốc, phục vụ công tác xác thực thông tin và phòng chống gian lận thương mại.

d) Phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan (thuộc Bộ Nông nghiệp Môi trường và Bộ Công an) trong việc kiểm tra, xác minh tính pháp lý của tem truy xuất nguồn gốc trên thị trường; kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến tem nhãn và TXGN theo quy định của pháp luật.

10. Trung tâm Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển (Trung tâm IDE)

a) Trung tâm IDE là đơn vị nghiên cứu xây dựng, vận hành <http://checkvn.mae.gov.vn> từ năm 2021 đến nay, thực hiện phối hợp với Cục CDS và NETACOM rà soát, chuẩn hóa và nâng cấp, mở rộng hệ thống truy xuất nguồn gốc.

b) Phối hợp các bên liên quan quản trị, vận hành trực tuyến nhận và Công thông tin tra cứu truy xuất nguồn gốc.

c) Phối hợp đào tạo và hướng dẫn sử dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp tham gia Kế hoạch.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị, cơ quan liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các đơn vị cần kịp thời báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Vụ Khoa học và Công nghệ) để tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

**Phụ lục 1. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỬ NGHIỆM
HỆ THỐNG TRUY XUẤT NGUỒN GỐC QUẢ SÀU RIÊNG**

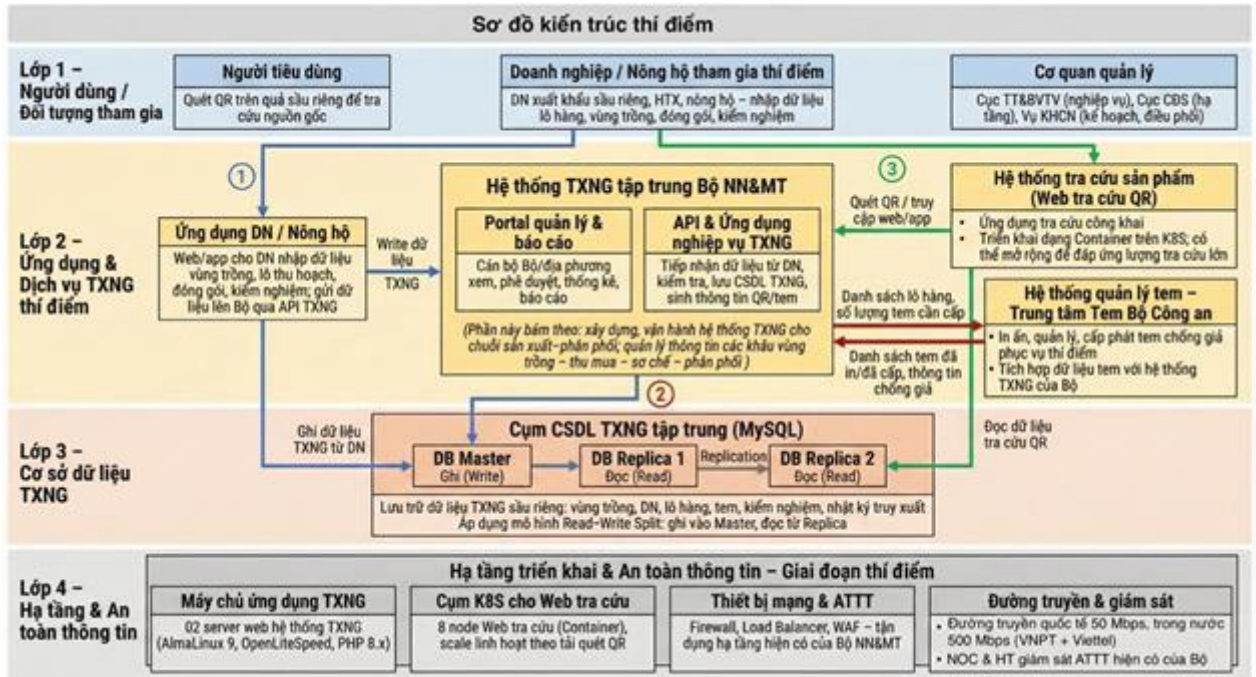
STT	Nội dung	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
1	Thông nhất dữ liệu và các quy trình nghiệp vụ triển khai thí điểm	15/12/2025	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Cục TT&BVTV)	Vụ Khoa học và Công nghệ (Vụ KHCN); Cục Chuyển đổi số (Cục CDS), NETACO, các doanh nghiệp, nông hộ.	Cần hoàn thành trước khi triển khai thí điểm
2	Bổ sung các báo cáo cần thiết cho tài khoản của cơ quan quản lý	15/12/2025	NETACOM	Cục TT&BVTV, Trung tâm IDE	Đang thực hiện
3	Xây dựng phương án hạ tầng triển khai hệ thống thí điểm Truy xuất nguồn gốc	14/12/2025	NETACOM	Cục CDS, Trung tâm IDE	Đã thực hiện
4	Cài đặt và triển khai hệ thống lên môi trường triển khai thực tế; Cấu hình tên miền theo yêu cầu.	15/12/2025	NETACOM	Cục CDS, Trung tâm IDE	Cần chuẩn bị đầy đủ hạ tầng máy chủ theo yêu cầu trước ngày 30/11/2025
5	Chốt danh sách Doanh nghiệp tham gia thí điểm và thu thập thông tin: - Số lượng Nông hộ quản lý phục vụ cấp tài khoản cho từng nông hộ - Số lượng Cây trồng của mỗi nông hộ và Sản lượng dự kiến (theo quả) phục vụ thống kê in tem	18/12/2025	Cục TT&BVTV NETACOM	Doanh nghiệp (Dự kiến 5 doanh nghiệp; Danh sách DN đã được khảo sát)	Đã thực hiện
6	Tổ chức hội thảo mời Doanh nghiệp tham gia thí điểm và giới thiệu quy trình nghiệp vụ của hệ thống	20/12/2025	- Cục TT&BVTV - Vụ KHCN - Cục CDS	Vụ KHCN, Cục CDS Doanh nghiệp thí điểm NETACOM	Sau khi có danh sách chính thức

7	Thống nhất và Ký kết văn bản quy định mẫu tem dán TXNG, quy chuẩn in tem và yêu cầu về vật liệu chống giả	15/12/2025	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Vụ KHCN), Bộ Công An (Trung tâm Tem và Vật liệu chống giả - In Ba Đình thuộc Cục Công nghiệp an ninh)	Cục TT&BVTV, NETACOM, Doanh nghiệp tham gia thí điểm	Cần hoàn thành trước khi in tem
8	Phối hợp in tem quả và phát hành cho Doanh nghiệp, Nông hộ	17/12/2025	Cục TT&BVTV, Trung tâm Tem và Vật liệu chống giả - In Ba Đình thuộc Cục Công nghiệp an ninh, Bộ Công an, NETACOM	Doanh nghiệp thí điểm	Sau khi ký kết quy định mẫu tem
9	Hỗ trợ triển khai và theo dõi vận hành thí điểm tại các doanh nghiệp	19/12/2025	Cục TT&BVTV	Doanh nghiệp thí điểm NETACOM Cục CDS	Theo dõi liên tục trong giai đoạn thí điểm
10	Báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Môi trường về kết quả triển khai thí điểm hệ thống truy xuất ngoài đời thực	20/12/2025	Cục TT&BVTV	Vụ KHCN Cục CDS NETACOM	Trước lễ khai trương chính thức
11	Phối hợp tổ chức Lễ khai trương và chính thức Golive hệ thống	31/12/2025	Vụ KHCN	Bộ NN & Môi trường Vụ KHCN Cục CDS NETACOM Doanh nghiệp thí điểm	Sự kiện chính thức ra mắt hệ thống
12	Tổng kết giai đoạn thí điểm và đề xuất điều chỉnh (nếu có)	10/07/2026	Cục TT&BVTV	Vụ KHCN Cục CDS NETACOM Doanh nghiệp thí điểm	Đánh giá hiệu quả và rút kinh nghiệm

Phụ lục 2. YÊU CẦU HỆ THỐNG QUA CÁC GIAI ĐOẠN (Cục Chuyển đổi số chủ trì, cung cấp và phối hợp với NETACOM)

1. Hệ thống TXNG sâu riêng (giai đoạn thí điểm)

a) Mô hình hệ thống thí điểm



b) Yêu cầu về phần mềm

STT	Nội dung yêu cầu
I	Chức năng đối với doanh nghiệp
1	Đăng ký tham gia hệ thống
2	Cập nhật hồ sơ doanh nghiệp
3	Khởi tạo thông tin phục vụ truy xuất
4	Đăng ký và cập nhật sản phẩm
5	Tạo/kích hoạt/chia tem truy xuất
6	Nhận tem và phân bổ tem
7	Theo dõi trạng thái tem
8	Cập nhật nhật ký canh tác
9	Cập nhật dữ liệu đóng gói, vận chuyển
10	Thống kê diện tích trồng
11	Thống kê sản lượng
12	Thống kê tem cấp phát

STT	Nội dung yêu cầu
13	Tra cứu nguồn gốc
II	Chức năng đối với nông hộ
1	Đăng ký thông tin
2	Cập nhật vùng trồng, diện tích
3	Nhận và kích hoạt tem
4	Cập nhật nhật ký canh tác
III	Chức năng đối với người tiêu dùng
1	Tra cứu nguồn gốc bằng QR
2	Hiển thị thông tin chứng nhận, chất lượng
3	Gửi phản ánh vi phạm
4	Đánh giá sản phẩm
5	Xác thực tem thật/giả
IV	Chức năng đối với cơ quan quản lý
1	Cấp/chỉnh sửa/thu hồi tài khoản
2	Phân quyền theo cấp
3	Kiểm duyệt doanh nghiệp/sản phẩm/mã truy xuất
4	Giám sát sử dụng tem
5	Thống kê doanh nghiệp theo lĩnh vực
6	Thống kê diện tích, sản lượng
7	Thống kê tem đã cấp phát
8	Dashboard cảnh báo rủi ro
V	Yêu cầu phi chức năng
1	Yêu cầu tải hệ thống cho doanh nghiệp và hộ kinh doanh: Hỗ trợ tối thiểu 10.000 doanh nghiệp và 100.000 nông hộ
3	Yêu cầu tải hệ thống Cổng truy xuất nguồn gốc: Hỗ trợ ≥ 10 triệu lượt truy xuất/tháng
4	Yêu cầu tải hệ thống Quản lý nội bộ: Hỗ trợ ≥ 5.000 cán bộ quản lý (Bộ NNMT, Các cán bộ thuộc Tỉnh, Xã liên quan)
5	Thời gian phản hồi: ≤ 1 giây
6	Yêu cầu kiến trúc: mở rộng theo chiều ngang
7	Yêu cầu khác: Yêu cầu Uptime: $\geq 99,5\%$ Hỗ trợ Web + Mobile

c) Yêu cầu về hạ tầng và an toàn thông tin

STT	Thành phần hệ thống	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
I	Hệ thống TXNG thí điểm (Hệ thống 1)		
1	Hệ thống máy chủ Web hệ thống TXNG	02	CPU: 8-16vCore Ram: 16GB – 32GB Ổ cứng: 200G Hệ điều hành: Almalinux 9. Web servers: OpenLiteSpeed V1.8.X PHP: 8.xxx
2	Hệ thống Firewall	02	Theo hệ thống hiện có của Bộ NN&MT
3	Hệ thống Load Balancing, WAF	02	
II	Hệ thống tra cứu sản phẩm (Hệ thống 2)		
1	Hệ thống máy chủ Web tra cứu sản phẩm	08	CPU: 8-16vCore Ram: 16GB – 32GB Ổ cứng: 200G Hệ điều hành: K8S Ứng dụng triển khai dạng Container, có thể mở rộng để đáp ứng lượng tra cứu lớn của người tiêu dùng.
2	Hệ thống Firewall	02	Theo hệ thống hiện có của Bộ NN&MT
3	Hệ thống Load Balancing, WAF	02	
III	Hệ thống CSDL tập trung (Hệ thống 3)		
1	Máy chủ CSDL tập trung	03	CPU: 8-16vCore Ram: 16GB – 32GB Ổ cứng: 2TB Hệ điều hành: Almalinux 9. Database Management System: MYSQL
2	Hệ thống tường lửa cho CSDL	02	Theo hệ thống hiện có của Bộ NN&MT
IV	Yêu cầu về an toàn thông tin		

STT	Thành phần hệ thống	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
1	Kiểm tra đánh giá an toàn thông tin		NETACOM sẽ đánh giá an toàn thông tin cho hệ thống TXNG, đơn vị đánh giá ATTT đảm bảo được cấp phép bởi A05 – Bộ Công an
2	Giám sát an toàn thông tin		Theo hệ thống hiện tại của Bộ NN&MT
3	Antivirus		
V	Sao lưu dữ liệu		
1	Hạ tầng hệ thống sao lưu (bao gồm phần mềm và phần cứng chuyên dụng)		Theo hệ thống hiện tại của Bộ NN&MT
2	Cấu hình sao lưu		
VI	Đường truyền		
1	Quốc tế 50 Mbps Trong nước 500 Mbps	02	Tối thiểu 02 đường truyền (VNPT và Viettel)
VII	Vận hành hệ thống		
1	Hệ thống giám sát hoạt động (NOC)		
2	Nhân sự vận hành hệ thống		

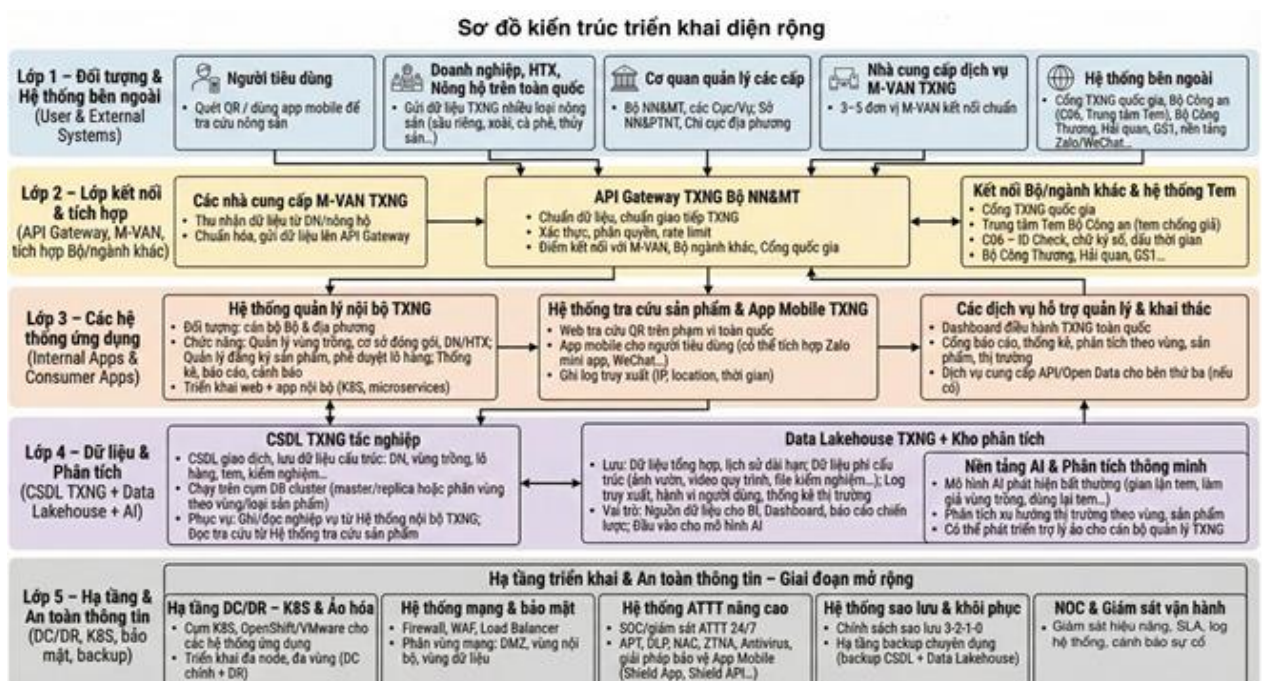
STT	Thành phần hệ thống	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
I	Hệ thống TXNG thí điểm (Hệ thống 1)		
1	Hệ thống máy chủ Web hệ thống TXNG	02	CPU: 8-16vCore Ram: 16GB – 32GB Ổ cứng: 200G Hệ điều hành: Almalinux 9.

STT	Thành phần hệ thống	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
			Web servers: OpenLiteSpeed V1.8.X PHP: 8.xxx
2	Hệ thống Firewall	02	Theo hệ thống hiện có của Bộ NN&MT
3	Hệ thống Load Balancing, WAF	02	
II	Hệ thống tra cứu sản phẩm (Hệ thống 2)		
1	Hệ thống máy chủ Web tra cứu sản phẩm	08	CPU: 8-16vCore Ram: 16GB – 32GB Ổ cứng: 200G Hệ điều hành: K8S Ứng dụng triển khai dạng Container, có thể mở rộng để đáp ứng lượng tra cứu lớn của người tiêu dùng.
2	Hệ thống Firewall	02	Theo hệ thống hiện có của Bộ NN&MT
3	Hệ thống Load Balancing, WAF	02	
III	Hệ thống CSDL tập trung (Hệ thống 3)		
1	Máy chủ CSDL tập trung	03	CPU: 8-16vCore Ram: 16GB – 32GB Ổ cứng: 2TB Hệ điều hành: Almalinux 9. Database Management System: MYSQL
2	Hệ thống tường lửa cho CSDL	02	Theo hệ thống hiện có của Bộ NN&MT
IV	Yêu cầu về an toàn thông tin		
1	Kiểm tra đánh giá an toàn thông tin		NETACOM sẽ đánh giá an toàn thông tin cho hệ thống TXNG, đơn vị đánh giá ATTT đảm bảo được cấp phép bởi A05 – Bộ Công an
2	Giám sát an toàn thông tin		Theo hệ thống hiện tại của Bộ NN&MT
3	Antivirus		

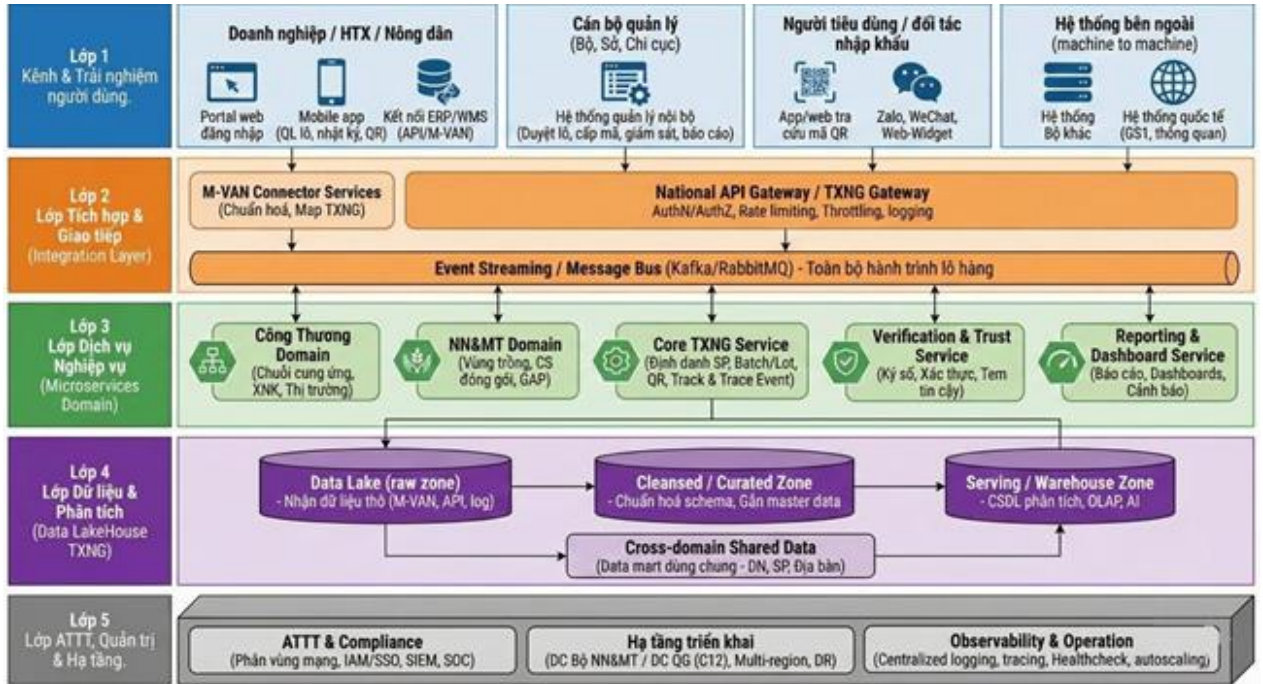
STT	Thành phần hệ thống	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
V	Sao lưu dữ liệu		
1	Hạ tầng hệ thống sao lưu (bao gồm phần mềm và phần cứng chuyên dụng)		Theo hệ thống hiện tại của Bộ NN&MT
2	Cấu hình sao lưu		
VI	Đường truyền		
1	Quốc tế 50 Mbps Trong nước 500 Mbps	02	Tối thiểu 02 đường truyền (VNPT và Viettel)
VII	Vận hành hệ thống		
1	Hệ thống giám sát hoạt động (NOC)		
2	Nhân sự vận hành hệ thống		

2. Hệ thống giai đoạn triển khai rộng

a) Sơ đồ kiến trúc hệ thống triển khai rộng



b) Sơ đồ phân chia các lớp đối với hệ thống triển khai rộng



b) Yêu cầu về hạ tầng và an toàn thông tin

Lưu ý: Số lượng thiết bị sẽ căn cứ kết quả triển khai thí điểm giai đoạn 1

STT	Thành phần hệ thống	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
I	Hệ thống API Gateway		
1	Máy chủ API		K8S, Container, Microservice
2	Máy chủ CSDL		CSDL quan hệ
3	Hệ thống Tường lửa, Load Balancing, WAF		
II	Hệ thống quản lý nội bộ		
1	Máy chủ Web hệ thống nội bộ		K8S, Container, Microservice
2	Máy chủ App Mobile hệ thống nội bộ		K8S, Container, Microservice
3	Hệ thống Tường lửa, Load Balancing, WAF		
III	Hệ thống tra cứu sản phẩm		
1	Máy chủ Web hệ thống tra cứu sản phẩm		K8S, Container, Microservice

STT	Thành phần hệ thống	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
2	Hệ thống Tường lửa, Load Balancing, WAF		
IV	Hệ thống CSDL tập trung		
1	Hệ thống máy chủ CSDL Data Lakehouse		
2	Hệ thống tường lửa cho CSDL		
V	Hệ thống trí tuệ nhân tạo (AI)		
1	Máy chủ GPU		
2	Máy chủ APP cho hệ thống AI		
3	Bản quyền LLM, Workshop, ...		
4	Huấn luyện, triển khai		
5	Hệ thống Tường lửa, Load Balancing, WAF		
VI	Bản quyền các hệ thống		
1	Bản quyền hệ thống ảo hóa: Redhat Openshift; VMware		
2	Bản quyền hệ điều hành: K8S, Window Server, Linux		
3	Bản quyền hệ thống Data Lakehouse		
4	Bản quyền hệ thống giám sát hoạt động		
5	Bản quyền công nghệ CheckVN		
VII	Yêu cầu về an toàn thông tin		
1	Kiểm tra đánh giá an toàn thông tin, diễn tập thực chiến an toàn thông tin định kỳ hàng năm		
2	Hệ thống, dịch vụ giám sát an toàn thông tin		
3	Các hệ thống Antivirus, APT, DLP, NAC, ZTNA, ...		
5	Giải pháp bảo vệ APP Mobile: Shield APP Mobile, Shield API, Shield Data		

STT	Thành phần hệ thống	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
VIII	Các hệ thống khác		
1	Hạ tầng TTDL liên quan		
2	Hệ thống mạng liên quan		
3	Kết nối ID Check – C06 – Bộ Công an; Hệ thống Faceauthen; Tích hợp chữ ký điện tử; Chữ ký dấu thời gian; Kết nối các Bộ/Ngành		
IX	Hệ thống sao lưu		
1	Hạ tầng hệ thống sao lưu (bao gồm cả phần mềm và phần cứng chuyên dụng) đảm bảo yêu cầu 3-2-1-0		
2	Triển khai sao lưu		
X	Đường truyền		
1	Bản thông quốc tế, trong nước	02	Tối thiểu 02 đường truyền (VNPT và Viettel)
XI	Vận hành hệ thống		
1	Hệ thống giám sát hoạt động		
2	Nhân sự vận hành hệ thống		

Phụ lục 3. MẪU THIẾT KẾ TEM CHỐNG GIẢ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG



Ghi chú: - Mẫu tem dài: Tem xác thực điện tử gắn QR cho quả Sầu riêng
 - Mẫu tem ngắn: Tem xác thực điện tử gắn Chip RFID cho thùng